TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 125/2025/QĐST- DS	*Chợ Lách, ngày 29 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 374/2025/TLST - DS ngày 23 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1/ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1943; Địa chỉ: số F ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Phạm Thị B): Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1990; địa chỉ 691/8, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.2/ Bị đơn: Ông Phan Thành T, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre .

1.3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1/ Bà Phan Thị H, sinh năm: 1967; địa chỉ ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre .

1.3.2/ Ông Phan Thành V, sinh năm: 1971; địa chỉ: 8, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Phan Thành V): Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3.3/ Bà Phan Thị Ú, sinh năm: 1972; địa chỉ: B khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3.4/ Bà Phan Thị D, sinh năm: 1973; địa chỉ: 2 ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2**.** Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Bà Phạm Thị B được nhận phần đất có diện tích là 791,5m^2 (ký hiệu 230-1) thuộc một phần thửa đất số 230, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 229 (Trần Văn L)

+ Nam giáp đường;

+ Đông giáp 230-2;

+ Tây giáp thửa 455 (Trần Thị Kim T2).

(Có hoạ đồ thửa đất kèm theo).

2.2/ Ông Phan Thành T, bà Phan Thị H, bà Phan Thị D, bà Phan Thị Ú và ông Phan Thành V được nhận phần đất có diện tích là 565m^2 (ký kiệu 230-2) thuộc một phần thửa đất số 230, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông Phan Thành T, bà Phan Thị H, bà Phan Thị D, bà Phan Thị Ú và ông Phan Thành V thống nhất cùng đứng tên đồng quyền sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên. Phần đất có tứ cận như sau:

+ B1 và Đ giáp thửa 229 (Trần Văn L)

+ Nam giáp đường;

+ Tây giáp thửa 230-1.

(Có hoạ đồ thửa đất kèm theo).

2.3/ Bà Phạm Thị B, ông Phan Thành T, bà Phan Thị H, bà Phan Thị D, bà Phan Thị Ú và ông Phan Thành V có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất được nhận như đã trên theo quy định.

2.4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.4.1/ Bà Phạm Thị B, ông Phan Thành T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.4.2/ Bà Phan Thị H, bà Phan Thị D, bà Phan Thị Ú và ông Phan Thành V tự nguyện đồng ý nhận chịu 6.216.000đ (sáu triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.260.000đồng (565.000đồng/người x 04 người) theo các biên lai số 0008920, 0008918, 0008919, 0008921 cùng ngày 06/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Phan Thị H, bà Phan Thị D, bà Phan Thị Ú và ông Phan Thành V còn phải tiếp tục nộp 3.956.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.5/ Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị B tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 4.918.500đ (bốn triệu chín trăm mười tám ngàn năm trăm đồng) và đã đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (06 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền